

Bản án số: 99/2021/DS-PT  
Ngày 16 tháng 3 năm 2021  
“V/v Tranh chấp chia di sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp.  
Ông Tô Chánh Trung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiện- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp chia di sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1043/2020/DS-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 320/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Trương Kim A, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số 549/57/25 đường Lê Văn T, phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn có: Luật sư Nguyễn Văn T - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyễn T và Partner, có mặt.

***2. Bị đơn:*** Bà Hà Thị M, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Số 75/1 đường Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

***3.1.*** Bà Trương Ánh N (Chang, Ying- E) sinh năm 1967. Địa chỉ: Trung Quốc, vắng mặt.

3.2 Ông Trương Thế H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 75/1 đường Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nga và ông Hùng: Bà Hà Thị M, sinh năm 1938. Địa chỉ: Số 75/1 đường Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3.3. Ông Trương Phú C, sinh năm 1964, vắng mặt

3.4. Bà Trương Kim P, sinh năm 1961, vắng mặt.

Cùng cư trú ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

3.5. Ủy ban nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Hà Thị M là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2017 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Kim A trình bày:*

Cha bà là ông Trương Văn S (sinh năm 1913, chết năm 1985) và mẹ là bà Huỳnh Thị H (chết năm 1951) có một người con là Trương Kim A. Năm 1958, cụ S kết hôn với bà Hà Thị M. Cụ S chung sống với bà M có 04 người con chung là Trương Thế H, Trương Kim P, Trương Phú C, Trương Ánh N.

Căn nhà và đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc cụ S được tặng cho từ trước năm 1951. Sau khi bà Hoa chết, bà A và cụ S sinh sống tại căn nhà số 75/1 Nguyễn Tất Thành. Đến năm 1958 cụ S kết hôn với bà M và bà M về cùng sống chung nhà. Năm 1971 bà A lấy chồng và chuyển hộ khẩu về sinh sống tại nhà chồng ở quận G.

Năm 1985, cụ S mất, bà M tiếp tục quản lý sử dụng nhà. Năm 1988, bà M kê khai nhà đất và làm thủ tục hợp thức hóa nhà đất. Năm 2011, bà M và 04 người con được Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) Quận Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số vào sổ: CH 00635 ngày 27/12/2011. Thời điểm bà M kê khai nhà đất và được cấp giấy chứng nhận thì bà A không hay biết. Trong quá trình sử dụng căn nhà, bà M đã sửa chữa, xây dựng lại căn nhà.

Bà A khởi kiện yêu cầu xác định phần đất tại nhà số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Trương Văn S; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00635 ngày 27/12/2011 của UBND Quận Z cấp cho bà Hà Thị M cùng sử dụng đất và cũng sở hữu tài sản với 04 người Trương Thế H, Trương Phú C, Trương Kim P, Trương Ánh N. Trường hợp bà M và 04 người đồng thừa kế muốn giữ lại nhà, đất thì phải thanh toán cho bà 1/6 giá trị đất theo kết quả định giá.

*- Bị đơn bà Hà Thị M trình bày:* Bà M và cụ Trương Văn S kết hôn với nhau vào năm 1958. Sau khi kết hôn, bà sống chung với cụ S tại nhà riêng của ông S ở địa chỉ số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. Thời điểm này có bà Trương Kim A (khoảng 06 tuổi) sống chung nhà với vợ chồng bà. Đến khoảng năm 1970 thì bà A theo chồng đi nơi khác sống. Bà M và cụ S có 04 người con chung gồm Trương Thế H, Trương Phú C, Trương Kim P, Trương Ánh N. Năm 1985 cụ S chết, không để lại di chúc. Hiện nay Trương Phú C và Trương Kim P đang sinh sống ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nhưng bà không rõ địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án, riêng bà Nga đang sinh sống tại Trung Quốc.

Đối với căn nhà, đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã được UBND Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/12/2011 cho bà và 04 người con chung của bà và cụ S. Bản chính giấy chứng nhận nhà đất bà đang giữ. Từ khi bà về ở tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay bà M đã sửa chữa nhà 03 lần vào năm 1990, năm 2001, năm 2014; hiện trạng nhà cũ không còn.

Nay bà M không đồng ý yêu cầu của bà A vì căn nhà, đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh bà đã quản lý sử dụng trên 30 năm nên UBND Quận Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà vào ngày 27/12/2011 là đúng pháp luật; Thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Trương Văn S đã hết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thế H, bà Trương Ánh N có bà Hà Thị M đại diện trình bày:* ông Hùng, bà Nga có cùng ý kiến với bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

- *Tại văn bản số 4134/UBND-NC ngày 06/12/2017 của Ủy ban nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:* Nhà, đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z có nguồn gốc do gia đình ông Trương Văn S và bà Hà Thị M tự bồi đắp, đổ đất để thành mặt bằng và tự xây cất nhà lên để ở từ năm 1957. Năm 1985, cụ S chết. Ngày 17/11/1988, Phòng Xây dựng Quận Z có Tờ trình số 283/NĐ chuyển UBND Quận Z về việc hợp thức hóa nhà số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z. Ngày 23/11/1988, UBND Quận Z cấp Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà cửa số 1012/GP cho bà Hà Thị M và ông Trương Văn S là chủ sở hữu căn nhà số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z.

Ngày 19/01/1989, các thừa kế của cụ S đã thực hiện kê khai chuyển dịch tài sản nộp lệ phí trước bạ, được kiểm tra ngày 19/01/1989, những người được hưởng phần di sản thừa kế của cụ S đối với nhà, đất số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z gồm: bà Hà Thị M, ông Trương Thế H, ông Trương Phú C, bà Trương Kim P, bà Trương Ánh N. Ngày 24/10/2011, bà Hà Thị M đại diện khai cùng các đồng thừa kế đứng đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z. Ngày 23/11/2011 Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z xác nhận Nhà, đất trên không có tranh chấp. Ngày 13/12/2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận Z có Tờ trình số 3515/TTr-TNMT đề xuất UBND Quận Z cấp Giấy chứng nhận cho bà Hà Thị M và ông Trương Thế H

cũng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản với những thừa kế khác tại địa chỉ số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z.

Do đó, ngày 27/12/2011 UBND Quận Z cấp Giấy chứng nhận số CHO0635 cho bà Hà Thị M và ông Trương Thế H cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản với những thừa kế khác, trong đó ông Trương Phú C, bà Trương Kim P và bà Trương Ánh N là người Việt Nam định cư ở nước ngoài chỉ được hưởng giá trị nhà ở, đất ở là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND Quận Z đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 1043/2020/DS-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:*

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; Án lệ số 05/2016/AL và Án lệ số 06/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH 00635 của Ủy ban nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2011 cho bà Hà Thị M, ông Trương Thế H.

Xác định phần đất 52,1m<sup>2</sup> đất trị giá 4.168.000.000 đồng tọa lạc tại số 75/1 Nguyễn Tất Thành Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cụ Trương Văn S để lại.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ Trương Văn S gồm: Bà Hà Thị M, bà Trương Kim A, ông Trương Thế H, ông Trương Phú Cường, bà Trương Kim P, bà Trương Ánh N.

Bà Trương Kim A, ông Trương Thế H, ông Trương Phú Cường, bà Trương Kim P, bà Trương Ánh N mỗi người được hưởng 1/7 giá trị di sản, Bà Hà Thị M được hưởng 2/7 giá trị di sản.

Ông Trương Phú C, bà Trương Kim P hiện đang ở nước ngoài nên tạm giao cho bà Hà Thị M quản lý phần giá trị di sản của ông Cường bà Phượng được hưởng. Ông Cường, bà Phượng yêu cầu thì bà M phải hoàn trả lại.

Bà Hà Thị M, ông Trương Thế H, ông Trương Phú C, bà Trương Kim P, bà Trương Ánh N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trương Kim A số tiền tương đương 1/7 giá trị quyền sử dụng đất tại số 75/1 Nguyễn Tất Thành Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá tại thời điểm thi hành án. Việc giao nhận tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm có tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí định giá; về liên hệ với cơ quan cơ thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với căn nhà số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 21/7/2020 bị đơn bà Hà Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Hà Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi chia di sản của cụ S để lại là 51,2m<sup>2</sup> đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh vì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đã hết. Hơn nữa bà A không làm tròn trách nhiệm của người con trong việc chăm sóc nuôi dưỡng đối với cha mẹ nên không được hưởng thừa kế.

- Nguyên đơn bà A đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác đơn kháng cáo của bà M.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của bà Hà Thị M đảm bảo đúng hình thức, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà M thừa nhận trước khi bà kết hôn với cụ S thì cụ S đã có một người con riêng tên Trương Kim A. Căn nhà, đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của cụ S tạo lập, có trước năm 1958 khi cụ S kết hôn với bà. Sau khi bà M về chung sống với cụ S thì bà A cũng đang ở chung nhà với cụ S. Đến năm 1970 bà A có chồng nên về bên nhà chồng sinh sống. Cụ S quản lý, sử dụng nhà đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở. Đến ngày 19/7/1985, cụ S chết không để lại di chúc.

Bà M tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất của cụ S để lại tại số 75/1 đường N đến năm 1988, bà M làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở.

Tại tờ kê khai chuyển dịch tài sản ngày 19/01/1989 (BL số 123) bà M khai căn nhà số 75/1 đường N là di sản của cụ S, những người thừa kế di sản gồm vợ là Hà Thị M và các con là Trương Thế H, Trương Kim P, Trương Phú C, Trương Ánh N.

Xét thấy đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 24/10/2011 (BL số 120 -121) kèm theo danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất thì bà M kê khai bà và các người con chung của bà và cụ S là Trương Thế H, Trương Kim P, Trương Phú C, Trương Ánh N mà không ghi tên bà Trương Kim A là con riêng của cụ S. Bà A cũng không có văn bản từ chối nhận di sản của cụ S để lại. Việc bà M kê khai không đầy đủ những người thừa kế của cụ S, Ủy ban nhân dân Quận Z đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 00635 cho bà Hà Thị M và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 00635 cho ông Trương Thế H cùng sử dụng đất và cùng sử dụng tài sản với bà Trương Kim P, ông Trương Phú C, bà Trương Ánh N là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà Kim Anh. Bản án sơ thẩm tuyên xử hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 00635 cấp cho bà M và ông Hùng đối với thửa đất số 05 tờ bản đồ số 04 diện tích 52,1m<sup>2</sup> tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3] Bà M kháng cáo cho rằng di sản của cụ S để lại và bà đã quản lý sử dụng nhà đất trên 30 năm nên không còn là di sản thừa kế. Tuy nhiên tại hướng dẫn của Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn: *“Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế.*

*Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn*

*áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990”.*

Do cụ Trương Văn S chết trước ngày 10-9-1990. Nên thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ S được tính từ ngày 10/9/1990. Ngày 28/9/2017 bà Trương Kim A khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S là còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M cho rằng hết thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ S. Tại phiên tòa phúc thẩm bà M nại ra rằng bà A không làm tròn trách nhiệm của người con trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cha nên không được thừa kế là chưa có căn cứ để chấp nhận.

[4] Theo bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở tại địa chỉ số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z (Bút lục số 73) xác định đất ở diện tích 52,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 04; mục đích sử dụng: đất ở đô thị riêng. Tại Công văn số 1312/UBND-ĐT ngày 04/5/2018 của UBND Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà, đất số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh thuộc khu vực đất ngoài ranh dự án Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội.

Nguyên đơn bà A thừa nhận toàn bộ tài sản trên đất là của bà M, được bà M xây dựng, sửa chữa sau khi cụ S chết, hiện trạng nhà cũ không còn. Do đó di sản của cụ S được xác định là diện tích đất 52,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh được chia theo pháp luật, những người được hưởng di sản thừa kế của cụ S thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Hà Thị M và các người con của cụ S gồm Trương Kim A, Trương Thế H, Trương Phú C, Trương Kim P, Trương Ánh N theo quy định tại Điều 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà M không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy: Theo Án lệ số 05/2016/AL về “Tranh chấp di sản thừa kế” thì: *“Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế (vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế), không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; nếu Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức”*. Do bà M đã có công sức quản lý, gìn giữ, bảo quản di sản, nên Tòa án sơ thẩm áp dụng Án lệ số 05/2016/AL chia di sản của cụ S thành 7 phần và chia cho bà M được nhận 02 phần (1 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần là công sức đóng góp của bà M) và chia cho các con của cụ S gồm Trương Kim A, Trương Thế H, Trương Phú C, Trương Kim P, Trương Ánh N mỗi người được nhận 1 kỷ phần thừa kế là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[5] Đối với kỹ phần của ông Trương Phú C, bà Trương Kim P được hưởng thừa kế, hiện nay các đương sự ông Cường, bà Phượng (không rõ địa chỉ) và bà Nga đang ở nước ngoài. Theo Án lệ số 06/2016/AL thì: “*Trong vụ án tranh chấp thừa kế có người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài, nếu Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của những người đó thì Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu của nguyên đơn; nếu xác định được di sản thừa kế, diện hàng thừa kế và người để lại di sản thừa kế không có di chúc thì giải quyết việc chia thừa kế cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; phần tài sản thừa kế của những người vắng mặt, không xác định được địa chỉ sẽ tạm giao cho những người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho những thừa kế vắng mặt*”. Do đó án sơ thẩm áp dụng Án lệ số 06/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tạm giao cho bà Hà Thị M quản lý phần tài sản thừa kế của ông Cường, bà Phượng, bà Nga được hưởng để sau này bà M giao lại cho ông Cường, bà Phượng, bà Nga là có căn cứ. Xét diện tích đất nhỏ không thể chia thừa kế bằng hiện vật, nguyên đơn bà A có nguyện vọng nhận giá trị di sản bằng tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M khai hiện nay bà M và ông Hùng đang quản lý, sử dụng chung di sản 52,1m<sup>2</sup> đất tại số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng án sơ thẩm tuyên buộc ông Trương Phú Cường, bà Trương Kim P, Trương Ánh N có trách nhiệm liên đới với bà M thanh toán cho bà A số tiền tương ứng 1/7 giá trị quyền sử dụng đất tại số 75/1 Nguyễn Tất Thành Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là chưa đúng. Nên sửa lại cho chính xác: Buộc bà M, ông Hùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trương Kim A số tiền tương ứng với 1/7 di sản là giá trị quyền sử dụng đất diện tích 52,1m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá tại thời điểm thi hành án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định. Nhưng xét bà M là người cao tuổi nên bà M được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ thi hành án; về án phí dân sự sơ thẩm; về việc làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với căn nhà số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thi hành án xong không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy



ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị M. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 1043/2020/DS-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng vào Điều 26, Điều 35, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự 2015; Án lệ số 05/2016/AL và Án lệ số 06/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Trương Kim A.

1.1. Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH 00635 của Ủy ban nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2011 cấp cho bà Hà Thị M và ông Trương Thế H đối với thửa đất số 05 tờ bản đồ số 04 diện tích 52,1m<sup>2</sup> tại số 75/1 Nguyễn Tất Thành Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Xác định phần đất 52,1m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại số 75/1 Nguyễn Tất Thành Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Trương Văn S để lại.

1.3. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ Trương Văn S gồm: Bà Hà Thị M, bà Trương Kim A, ông Trương Thế H, ông Trương Phú Cường, bà Trương Kim P, bà Trương Ánh N.

1.4. Bà Trương Kim A, ông Trương Thế H, ông Trương Phú C, bà Trương Kim P, bà Trương Ánh N mỗi người được hưởng 1/7 giá trị di sản, Bà Hà Thị M được hưởng 2/7 giá trị di sản.

1.5. Buộc bà Hà Thị M, ông Trương Thế H cùng sử dụng chung di sản bằng hiện vật diện tích 52,1m<sup>2</sup> đất có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trương Kim A số tiền tương ứng 1/7 giá trị quyền sử dụng đất diện tích 52,1m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá tại thời điểm thi hành án.

2. Tạm giao cho bà Hà Thị M, ông Trương Thế H quản lý phần giá trị di sản của ông Trương Phú Cường, bà Trương Kim P, bà Trương Ánh N được hưởng để sau này bà M và ông Hùng có trách nhiệm giao lại cho ông Cường, bà Phượng, bà Nga.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị M được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ thi hành án; về án phí dân sự sơ thẩm; về việc làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với căn nhà số 75/1 Đường N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thi hành án xong không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**